

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 313/2017/DS-ST
Ngày: 22/08/2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lượng
2. Bà Nguyễn Thị Quý

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Văn Thiên – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa:

Ông Võ Cao Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 08 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 24/2017/TLST - DS ngày 13/01/2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 349/2017/QĐXXST-DS và Quyết định hoãn phiên tòa số 180/2017/QĐST - DS ngày 26 tháng 07 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ

Trụ sở: 130 đường P, Phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Võ Thị Cẩm T, sinh năm: 1983; Địa chỉ: K1/114, Tân B, phường B, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai - Là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 1916/QĐ – DAB - PC ngày 17/10/2016). (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: 13 Đường số A, khu phố B, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/12/2016 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (gọi tắt: Ngân hàng) do bà Võ Thị Cẩm T là người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Ngày 06/01/2010 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ - Chi nhánh Quận 9 – Phòng giao dịch Thủ Đức (gọi tắt là Ngân hàng) ký với ông Phạm Ngọc T hợp đồng vay thấu chi số TC24 – 151- 00214399 (còn gọi là Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ); tổng hạn mức vay thấu chi tài khoản thẻ: 4.000.000đồng; lãi suất: 16.8%/năm; thời hạn vay 06 tháng tính từ ngày 06/01/2010 đến ngày 06/07/2010; mục đích vay: tiêu dùng; biện pháp bảo đảm là tín chấp. Do ông Phạm Ngọc T không thanh toán nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ nên từ ngày 07/07/2010 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ đã chuyển toàn bộ số nợ vay sang nợ quá hạn.

Nay, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Ngọc T thanh toán tổng số tiền 10.714.367đồng tạm tính đến ngày 26/12/2016 (trong đó: tiền vốn gốc là: 3.989.676đồng; tiền nợ lãi trong hạn: 175.641đồng; tiền nợ lãi quá hạn: 6.549.050đồng) và chịu lãi phát sinh từ ngày 26/12/2016 theo lãi suất quá hạn được quy định trong hợp đồng vay thấu chi số TC24 – 151- 00214399 ký ngày 06/01/2010, yêu cầu thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ xác định, đề nghị ông Phạm Ngọc T thanh toán tổng số tiền 11.598.428 đồng tạm tính đến ngày 22/08/2017 (trong đó: tiền nợ gốc là: 3.989.676 đồng; tiền nợ lãi trong hạn: 336.373 đồng; tiền nợ lãi quá hạn: 7.272.379 đồng tính từ ngày 07/07/2010 đến ngày 22/08/2017) và chịu lãi phát sinh từ ngày 23/08/2017 theo lãi suất thấu chi quá hạn được quy định trong hợp đồng vay thấu chi số TC24 – 151- 00214399 ngày 06/01/2010.

Nguyên đơn xác nhận ngoài các chứng cứ giao nộp cho Toà án, tại phiên tòa không bổ sung tài liệu, chứng cứ nào khác. Các thủ tục về việc giao nhận tài liệu, chứng cứ cho bị đơn ông Phạm Ngọc T, bên nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định pháp luật.

Bị đơn ông Phạm Ngọc T đã được toà án tiến hành các thủ tục tố tụng hợp lệ từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử nhưng ông Phạm Ngọc T vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, không giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án, cũng không có ý kiến nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự có mặt chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án tiến hành các thủ tục hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp tranh chấp hợp đồng vay tài sản được pháp luật quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Phạm Ngọc T có nơi cư trú cuối cùng tại: số 13 Đường số 42, khu phố 6, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 40 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Phạm Ngọc T đã được tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng hợp lệ từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Phạm Ngọc T.

2. Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn, hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với yêu cầu đề nghị ông Phạm Ngọc T thanh toán khoản tiền nợ gốc là: 3.989.676 đồng và tiền nợ lãi trong hạn: 336.373 đồng. Căn cứ vào nội dung hợp đồng vay thấu chi số TC24 – 151- 00214399 (còn gọi là Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ) ký ngày 06/01/2010 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ và ông Phạm Ngọc T có cơ sở để xác nhận giữa nguyên đơn và ông Phạm Ngọc T đã phát sinh quan hệ vay tài sản. Ngân hàng đã cấp với tổng hạn mức vay thấu chi là 4.000.000 đồng; hình thức là Ngân hàng chuyển tiền vào tài khoản thẻ của ông Phạm Ngọc T, mức lãi suất là: 16.8%/năm; thời hạn vay là 06 tháng tính từ ngày 06/01/2010 đến ngày 06/07/2010. Hình thức thanh toán nợ thấu chi là Ngân hàng tự động thu tổng nợ thấu chi khi có tiền báo có vào tài khoản của chủ thẻ đứng tên ông Phạm Ngọc T. Thực hiện hợp đồng, ông T đã nhận đủ khoản tiền vay nhưng đến khi hết thời hạn hợp đồng, mặc dù Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ đã thông báo nhắc nợ nhưng ông T vẫn không thực hiện thanh toán bất cứ khoản nợ nào cho Ngân hàng.

Tính đến ngày 22/08/2017, ông Phạm Ngọc T còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ tiền nợ gốc là: 3.989.676 đồng và tiền nợ lãi trong hạn: 336.373 đồng. Theo quy định của pháp luật về nghĩa vụ trả nợ của bên vay thì bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn, do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng nên yêu cầu này của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền lãi quá hạn là: 7.272.379 đồng tính từ ngày 07/07/2010 đến ngày 22/08/2017 và chịu lãi phát sinh từ ngày 23/08/2017 trên số dư nợ gốc cho đến khi thanh toán hết khoản nợ theo mức lãi suất thấu chi quá hạn theo hợp đồng vay thấu chi số TC24 – 151-

00214399 ngày 06/01/2010, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất...”, theo thỏa thuận được ghi nhận trong hợp đồng vay thấu chi số TC24 – 151- 00214399 ký ngày 06/01/2010 giữa nguyên đơn và ông Phạm Ngọc T thì lãi suất thấu chi trong hạn là 1,4%/tháng, lãi suất thấu chi quá hạn bằng 1,5 lần lãi suất thấu chi trong hạn, tức là 2,1%/tháng, thỏa thuận này cũng phù hợp theo quy định của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành bởi Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ngày 31/12/2001. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên từ ngày 07/07/2010 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ đã chuyển toàn bộ số nợ vay sang nợ quá hạn và áp dụng mức lãi suất thấu chi quá hạn là phù hợp với thỏa thuận ghi nhận trong hợp đồng.

Vì lẽ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Phạm Ngọc T phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Hoàn tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 186, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 244, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam về việc ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ. Buộc ông Phạm Ngọc T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền nợ tạm tính đến ngày 22/08/2017 là 11.598.428 đồng, trong đó:

Tiền nợ gốc: 3.989.676 đồng

Tiền nợ lãi trong hạn: 336.373 đồng

Tiền nợ lãi quá hạn: 7.272.379 đồng (tính từ ngày 07/07/2010 đến ngày 22/08/2017)

Kể từ ngày 23/08/2017 ông Phạm Ngọc T còn phải chịu khoản tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số dư nợ gốc cho đến khi thanh toán hết khoản nợ với mức lãi suất thả nổi quá hạn theo hợp đồng vay thả nổi số TC24 – 151- 00214399 (còn gọi là Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ thả nổi tài khoản thẻ) ký ngày 06/01/2010.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Ngọc T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 579.921 đồng (Năm trăm, bảy mươi chín ngàn, chín trăm hai mươi một đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí 664.942 đồng (Sáu trăm sáu mươi bốn ngàn, chín trăm bốn mươi hai đồng) theo biên lai thu số 0014704 ngày 13/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Phạm Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa có được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Kim Trang

